

Công tác xóa mù chữ, nâng cao dân trí cho đồng bào dân tộc thiểu số trong những năm đầu Đổi mới (1986 - 2000)

Duy Thị Hải Hương¹

Nhận ngày 2 tháng 4 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 5 tháng 8 năm 2021.

Tóm tắt: Trong 15 năm đầu Đổi mới (1986 - 2000), mặc dù kinh tế nước nhà còn rất nhiều khó khăn nhưng Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm đến công tác xóa mù chữ (XMC), nâng cao dân trí cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS). Cụ thể, Đảng và Nhà nước đã đề ra chủ trương, quyết sách, chỉ đạo quyết liệt để đến năm 2000, cả nước hoàn thành cơ bản mục tiêu XMC và phổ cập giáo dục cấp I cho nhân dân, trong đó có đồng bào DTTS. Tuy nhiên, để làm tốt công tác này, cần huy động được sự vào cuộc của các cấp, các ngành, của toàn xã hội và sự nâng cao nhận thức của bản thân người DTTS về tầm quan trọng của việc biết chữ; việc XMC phải được thể chế hóa thành nghị quyết, chỉ thị, quyết định của các cấp chính quyền từ trung ương đến cơ sở, coi đó là kế hoạch Nhà nước phải thực hiện, đánh giá, kiểm tra.

Từ khóa: Xóa mù chữ, dân tộc thiểu số, Đổi mới.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: During the first 15 years of *Đổi mới* (Renovation) (1986 - 2000), the Communist Party of Vietnam and the Government paid great attention to the work of eradicating illiteracy and raising knowledge for ethnic minorities though the country's economy was still facing many difficulties. Specifically, the Party and Government set drastic guidelines, decisions and directions so that by the year of 2000, the whole country basically completed the goal of eradicating illiteracy and giving primary education universalisation for the people, including ethnic minorities. In order to perform such task well, it is necessary to mobilise the participation of all levels, sectors, and the whole society and raise awareness among ethnic minorities themselves about the importance of literacy. The eradication of illiteracy must be institutionalised into resolutions, directives and decisions of all levels of government from central to grassroots, considering it as a plan that the Government must implement, and evaluate.

Keywords: illiteracy eradication, ethnic minorities, renovation.

Subject classification: History

¹ Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
Email: duyhaihuong2002@gmail.com

1. Mở đầu

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em. Trong số 54 dân tộc, có 53 DTTS sinh sống xen kẽ, rải rác khắp vùng miền trong cả nước nhưng tập trung nhất vẫn là ở miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. Dưới thời thực dân Pháp thống trị, nhân dân Việt Nam, trong đó đồng bào DTTS bị mù chữ nghiêm trọng. Chính vì vậy, ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra nhiệm vụ chống nạn mù chữ, nâng cao dân trí cho nhân dân, đồng bào DTTS. Trong ba mươi năm (1945 - 1975) vừa xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, cách mạng Việt Nam đã giành được những thắng lợi vĩ đại. Ở các tỉnh miền núi phía Bắc, trải qua ba chiến dịch diệt dốt, đồng bào DTTS² từ tình trạng 95% dân số bị mù chữ, đến năm 1965 đã hoàn thành kế hoạch xóa nạn mù chữ cho nhân dân trong độ tuổi quy định từ 12 đến 40.

Năm 1975, đất nước thống nhất, non sông thu về một mối, cả nước bắt tay vào công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội sau chiến tranh. Năm 1986, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Đảng ta chủ trương đổi mới toàn diện đất nước. Từ đó đến nay, sau hơn 30 năm Đổi mới, bên cạnh những thành tích to lớn về kinh tế, xã hội vẫn còn đó tình trạng người DTTS bị mù chữ, dân trí thấp, cản trở việc nâng cao đời sống tinh thần, vật chất của nhân dân cũng như công cuộc phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều vùng, miền trong cả nước. Chính vì vậy, việc XMC, nâng cao dân trí cho nhân dân nói chung, đồng bào DTTS nói riêng là nhiệm vụ cấp bách của ngành giáo dục không chỉ trong 15 năm đầu Đổi mới mà còn là nhiệm vụ quan trọng hiện nay. Từ những vấn đề nêu trên, tác giả tập trung nghiên cứu về công tác XMC cho đồng bào DTTS trong 15 năm đầu đất nước Đổi mới (1986 - 2000), qua đó rút ra một vài kinh nghiệm trong công tác XMC cho đồng bào DTTS hiện nay.

2. Tình trạng mù chữ ở đồng bào dân tộc thiểu số trước năm 1986

Năm 1975, chiến thắng vĩ đại của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã đem lại độc lập, tự do, thống nhất cho nước nhà. Nhân dân Việt Nam bước vào công cuộc khôi phục xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện khó khăn chồng chất.

² Chiến dịch diệt dốt lần đầu tiên vào năm 1945 - 1946; lần 2 vào năm 1948 - 1950 và lần 3 vào năm 1957 - 1958. Trong những năm 1954 - 1975, do chiến tranh nên công tác XMC cho đồng bào DTTS vùng Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long gặp rất nhiều khó khăn, còn ở miền núi phía Bắc, nhân dân sống trong điều kiện hòa bình nên đến năm 1965 đã hoàn thành việc XMC trong độ tuổi, trình độ dân trí được nâng cao hơn.

Hội nghị lần thứ VI (khóa IV) Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp (9/1979) đánh giá tình hình đất nước sau ngày thống nhất như sau: “Chúng ta đang đứng trước nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống: sản xuất phát triển chậm, năng suất thấp, đời sống thiếu thốn, nhất là đời sống của những người ăn lương ở thành thị và các khu công nghiệp; nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội có tính nghiêm trọng. Điều cần đặc biệt quan tâm là người lao động sản xuất thiếu hăng hái, người làm ăn bất chính và phi pháp vẫn ngang nhiên hoạt động. Kẻ địch đang lợi dụng tình hình kinh tế và đời sống khó khăn để phá rối ta trên nhiều mặt sản xuất và thị trường, tâm lý và dư luận, trong nước và ngoài nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005, t.40, tr.358).

Trong lĩnh vực giáo dục, thành tựu lớn nhất của nền giáo dục nước nhà từ năm 1975 đến năm 1985 là đã hình thành trên phạm vi cả nước một hệ thống giáo dục quốc dân xã hội chủ nghĩa thống nhất theo tinh thần Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 11/1/1979 của Bộ Chính trị³. Hệ thống giáo dục nước nhà đã có đủ các ngành học, từ nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông, bổ túc văn hóa, dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và trên đại học. Song, hạn chế, yếu kém của giáo dục cũng rất nhiều: “Giáo dục giảm sút nghiêm trọng. Tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban trong các bậc học tăng lên nhiều. Chất lượng giáo dục của tất cả các bậc học đều có biểu hiện giảm sút. Sinh viên tốt nghiệp không có việc làm. Song hạn chế lớn nhất của ngành giáo dục trong giai đoạn này là tình trạng nhân dân không biết chữ còn chiếm tỷ lệ lớn. Đến năm 1980, còn khoảng 8 triệu người từ 6 tuổi trở lên không biết chữ, chiếm 19,5% dân số cả nước, trong đó 1,9 triệu người đang ở độ tuổi từ 6 đến 15” (Hồ sơ số 50, tờ số 516). Số người không biết chữ lại tập trung chủ yếu ở vùng có đông đồng bào DTTS sinh sống là vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long (Bảng 1).

Không những vậy, trong số người DTTS bị mù chữ thì số cán bộ xã, thôn, bản, đảng viên, đoàn viên thanh niên chiếm tỷ lệ khá cao. Ví dụ, tại tỉnh Hà Giang, tỷ lệ mù chữ ở huyện Mèo Vạc lên đến 50%; huyện Mù Cang Chải có 34% cán bộ chủ chốt không biết chữ. Số đoàn viên, thanh niên trong tỉnh còn mù chữ chiếm từ 40 - 50% tổng số đoàn viên, thanh niên (Hồ sơ số 231, tờ số 9).

³ Sau năm 1975, giáo dục phổ thông ở miền Bắc và miền Nam có sự khác biệt. Miền Bắc là hệ thống giáo dục 10 năm được thiết lập từ năm 1956; miền Nam do chiến tranh, hệ thống trường phổ thông 12 năm vẫn được duy trì nhưng nội dung, chương trình, sách giáo khoa được thay mới theo chương trình phổ thông của miền Bắc. Trước tình trạng này, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (1976), Đảng ta đề ra nhiệm vụ: “Tiến hành một cuộc cải cách giáo dục rộng lớn trong cả nước, làm cho giáo dục quốc dân gắn chặt hơn nữa với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2004, t.37, tr.564). Đến đầu năm 1979, sau một thời gian chuẩn bị, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TW về cải cách giáo dục. Sau khi thống nhất, hệ thống trường phổ thông là 12 năm, được chia làm 2 bậc: bậc phổ thông cơ sở (từ lớp 1 đến lớp 9) và bậc phổ thông trung học (từ lớp 10 đến lớp 12) áp dụng từ năm học 1981 - 1982. Sau này, bậc phổ thông cơ sở chia thành 2 cấp: cấp I (từ lớp 1 đến lớp 5) và cấp II (từ lớp 6 đến lớp 9) như hiện nay.

Bảng 1: Thống kê người dân không biết chữ ở một số địa phương theo điều tra năm 1979 và năm 1985

Đơn vị tính: người

STT	Tỉnh, thành phố ⁴	Người lớn mù chữ (từ 16 đến 45 tuổi)	Trẻ em mù chữ (từ 6 đến 15 tuổi)	Tổng số người còn mù chữ
1	Đắk Lắk	33.637	-	33.637
2	Kon Tum	100.806	53.184	153.990
3	Hoàng Liên Sơn	62.000	67.000	129.000
4	Sơn La	55.343	50.009	105.352
5	Hà Tuyên	87.701	70.742	158.443
6	Cao Bằng	41.128	36.794	77.922
7	Lai Châu	-	45.370	45.370
8	Tiền Giang	-	24.000	24.000
9	Đồng Tháp	40.000	19.000	59.000
10	Phú Khánh	24.000	21.000	45.000
11	Thuận Hải	30.000	20.000	50.000
	Tổng cộng	474.615	407.099	881.714

Nguồn: Hồ sơ số 205, tờ số 10

Nguyên nhân của tình trạng trên là từ năm 1975 đến trước Đổi mới (1986), kinh tế nước nhà gặp khủng hoảng, khó khăn chồng chất⁵ nên đầu tư cho hoạt động giáo dục giảm dần. Năm 1979 là 7,2%; 1980 là 7,4%; 1981 là 4,7 % và năm 1982 còn 4,3% ngân sách Nhà nước (Hồ sơ số 50, tờ 519). Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cũng như toàn xã hội

⁴ Trong bảng có một số tỉnh, thành phố hiện nay đã tách ra như sau: Hoàng Liên Sơn là tên hai tỉnh Yên Bái, Lào Cai. Hà Tuyên là tên hai tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang. Phú Khánh là hai tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa. Thuận Hải là hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận.

⁵ Cuối những năm 70, đầu những năm 80 của thế kỷ XX, tình hình kinh tế - xã hội nước nhà bắt đầu lâm vào tình trạng khó khăn, khủng hoảng. Nông nghiệp bị đình đốn, sa sút nghiêm trọng. Năm 1980, sản lượng lương thực chỉ đạt 68,5%; năng suất lúa giảm từ 22,32 tạ/ha năm 1976 xuống còn 21,06 tạ/ha năm 1980. Lương thực hàng hóa từ 2 triệu tấn năm 1976 giảm xuống còn 1,6 - 1,9 triệu tấn các năm sau đó. Lương thực bình quân thóc cho một đầu người rất thấp và liên tục giảm trong những năm 1975 - 1980 (năm 1976 là 209 kg; 1978: 178 kg; 1980: 157 kg). Tình trạng nông dân thiếu ăn lúc giáp hạt xảy ra trên địa bàn cả nước, kể cả những vùng trọng điểm lúa là đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Đời sống của nhân dân, nhất là công chức, viên chức, giáo viên rất khó khăn, nhiều người lao động chưa có hoặc chưa đủ việc làm. Nhiều nhu cầu chính đáng tối thiểu của nhân dân về đời sống vật chất và văn hóa chưa được bảo đảm. Thêm vào đó là khó khăn từ việc các đế quốc và thế lực thù địch bao vây, cấm vận. Năm 1978, 1979, nước ta lại phải đối phó với hai cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam, biên giới phía Bắc và thiên tai khắc nghiệt.

chưa quan tâm thích đáng đến công cuộc XMC, chưa tạo thành một chính sách xã hội lớn, phong trào quần chúng rộng rãi như thời kỳ Cách mạng tháng Tám cũng như những năm kháng chiến. Thậm chí, các cấp ủy đảng địa phương còn chưa nhận thức sâu sắc về mối quan hệ và hiệu quả giữa việc đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội với việc nâng cao trình độ dân trí, văn hóa cho người dân, chưa thấy được đây là một nhiệm vụ chính trị. Nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội tác động đến môi trường giáo dục, đến đạo đức, tư tưởng của thầy, trò. Giáo viên đã thiếu trầm trọng lại bỏ việc nhiều⁶ do đời sống quá cực khổ, lương không đủ ăn⁷. Riêng về công tác XMC còn do nguyên nhân cơ bản là chưa phổ cập giáo dục cấp I, học sinh học xóa mù xong không học tiếp lên cấp I; việc XMC của giai đoạn trước chưa chắc chắn, học sinh học xong lớp xóa mù không có tài liệu học tập, thiếu sách giáo khoa để đọc thêm, học thêm, ôn luyện nên quay lại mù chữ khá nhiều.

3. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục cấp I (1986 - 2000)

Trước tình trạng khủng hoảng, khó khăn của đất nước, tháng 12 năm 1986, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp. Với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đại hội đã đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong lãnh đạo đất nước giai đoạn trước đó, đồng thời, chủ trương thực hiện đổi mới toàn diện đất nước.

Trong 15 năm đầu Đổi mới, nhất là giai đoạn 1986 - 1996, đất nước vẫn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Năm 1991, đất nước vẫn trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, phải đương đầu với các hoạt động phá hoại của các lực lượng thù địch ở cả trong và ngoài nước. Thêm vào đó, sự khủng hoảng trầm trọng của chế độ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã tác động đến tư tưởng và tình cảm của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đến năm 1996, đất nước mới thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước nhưng tình trạng mù chữ vẫn còn. Theo thống kê năm 1996, cả nước vẫn còn khoảng 1,7 triệu người mù chữ, nguyên nhân chủ yếu vẫn là do chưa phổ cập giáo dục cấp I. Số người mù chữ lại tập trung ở những vùng khó khăn, nơi có đông đồng bào DTTS sinh sống như miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Cửu Long (Hồ sơ số 902, tờ số 11).

Trong hoàn cảnh khó khăn đó, bên cạnh những quyết sách để đưa nền kinh tế ra khỏi khủng hoảng, Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm tới công tác XMC, nâng cao dân trí

⁶ Những năm 1981 - 1985, ngành giáo dục phổ thông kê cả mẫu giáo có gần 45 vạn giáo viên nhưng vẫn thiếu, trong đó giáo viên cấp I, giáo viên ở miền núi, vùng đồng bằng sông Cửu Long thiếu nhiều hơn các bậc học và nơi khác (Hồ sơ số 50, tờ số 520).

⁷ Nhiều địa phương nợ lương và phụ cấp khác của giáo viên từ 2 đến 4 tháng. Giáo viên ở miền núi, vùng đồng bào DTTS lại càng khó khăn hơn vì họ không được hưởng trợ cấp từ quỹ học phí mặc dù mỗi tháng được thêm từ 200 - 500 đồng. Thu nhập giáo viên trong biên chế từ 25.000 đến 28.000 đồng/tháng (Hồ sơ số 117, tờ số 31).

cho nhân dân cả nước, trong đó có đồng bào DTTS. Nghị quyết Đại hội VI (1986) nêu rõ: “Xoá bỏ nạn mù chữ còn lại ở một số địa phương, hoàn thành cơ bản phổ cập cấp I cho trẻ em... Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục ở miền núi; thực hiện chủ trương dùng tiếng nói và chữ viết dân tộc cùng với tiếng phổ thông” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 1986).

Tiếp tục chủ trương XMC, phổ cập giáo dục cấp I của Đại hội VI, từ năm 1987 đến năm 2000, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết quan trọng, trong đó đặt ra mục tiêu đến năm 2000 xoá xong nạn mù chữ cho nhân dân trong độ tuổi quy định. Nghị quyết số 22/NQ-TW (27/11/1987) của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi nêu rõ: “Phân đầu phổ cập cấp I cho lứa tuổi thanh thiếu niên theo chương trình phù hợp; miễn học phí cho học sinh là con em các dân tộc miền núi và con em các gia đình miền xuôi lên lập nghiệp ở miền núi mà có nhiều khó khăn” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1989). Nghị quyết số 04-NQ/TW về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo được Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VII) thông qua ngày 14/1/1993 khẳng định: “Phân đầu đến năm 2000 thanh toán xong nạn mù chữ trong những người lao động ở độ tuổi từ 15 đến 35, tích cực thu hẹp diện người mù chữ ở độ tuổi khác, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học (cấp I)” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007, t.52, tr.509-510). Đặc biệt, lần đầu tiên, Nghị quyết đưa ra quan điểm “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”. Trước đó, ngày 16/8/1991, Nhà nước công bố Luật Phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH), trong đó khẳng định: “Nhà nước thực hiện chính sách PCGDTH bắt buộc từ lớp 1 đến hết lớp 5 đối với tất cả trẻ em Việt Nam trong độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi. Giáo dục tiểu học được thực hiện bằng tiếng Việt. Các DTTS có quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình cùng với tiếng Việt để thực hiện giáo dục tiểu học. Nhà nước dành ngân sách thích đáng để thực hiện phổ cập giáo dục” (Công báo số 18, ngày 30/9/1991, tr.450-453). Đến ngày 26/10/1991, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 338-HĐBT về thi hành Luật PCGDTH.

Bước sang năm 1996, công cuộc Đổi mới tiến hành được 10 năm, đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh đó, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng chủ trương tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đại hội xác định muốn tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá thắng lợi phải phát triển mạnh giáo dục - đào tạo, phát huy nguồn lực con người, bởi vì con người là yếu tố cơ bản của sự phát triển nhanh và bền vững. Đại hội bổ sung và tiếp tục nhấn mạnh quan điểm của Nghị quyết Trung ương 4 là “cùng với Khoa học và công nghệ, Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”. Ngày 24/12/1996, Hội nghị Trung ương 2 (Khóa VIII) ra Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000. Nghị quyết tiếp tục khẳng định mục tiêu của Nhà nước về công tác XMC là “Phổ cập giáo dục bậc tiểu học; thanh toán nạn mù chữ cho những người trong độ tuổi 15 - 35, thu hẹp diện mù chữ ở độ tuổi khác, đặc biệt chú ý vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, để tất cả các tỉnh đều đạt chuẩn quốc gia về XMC và phổ cập tiểu học trước khi bước sang thế kỷ 21” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 1996).

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu” cùng chủ trương, đổi mới giáo dục của Đảng và Nhà nước nêu trên, Chính phủ, Bộ Giáo dục

ban hành nhiều văn bản chỉ đạo một cách quyết liệt công tác XMC, phổ cập giáo dục cấp I (PCGDCI). Ngày 27/9/1989, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Quyết định số 173-HĐBT thành lập Ủy ban Quốc gia chống nạn mù chữ (sau đây gọi tắt là Ủy ban).

Ngay sau khi thành lập, Ủy ban họp, xác định phải tiến hành XMC gắn liền với PCGDCI, mở các hình thức học sau XMC để không mù chữ trở lại; xác định đối tượng ưu tiên XMC là cán bộ miền núi, những người trong độ tuổi 15 - 35 đối với miền xuôi và 15 - 25 tuổi đối với các tỉnh miền núi; địa bàn ưu tiên là miền núi, đồng bằng sông Cửu Long. Ủy ban phối hợp công tác với Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổ chức các hội nghị chuyên đề về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về các giải pháp thực hiện XMC và PCGDCI cho các vùng miền núi phía Bắc, Nam Bộ và Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Hàng năm, Ủy ban còn tổ chức kỷ niệm ngày Bình dân học vụ (8 - 9)⁸ nhằm tuyên truyền tinh thần tự giác học tập, kêu gọi, huy động nhân dân tham gia phong trào chống mù chữ.

Để công tác XMC và PCGDCI được bài bản, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, Ủy ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ủy ban một cách cụ thể, rõ ràng. Theo đó, Bộ Giáo dục (từ năm 1990 đổi thành Bộ Giáo dục và Đào tạo) giúp các địa phương xây dựng đề án XMC và PCGDCI; ban hành chương trình và sách sau XMC; biên soạn, in sách XMC; ban hành chuẩn quốc gia về XMC và PCGDCI; tiến hành bồi dưỡng các địa phương về phương pháp giảng dạy XMC, sau XMC; huấn luyện, hướng dẫn các địa phương biên soạn tài liệu cho phù hợp với đối tượng và địa phương; phối hợp với các ban, ngành nhằm huy động mọi nguồn lực cho công tác XMC và PCGDCI. Hàng năm, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng với Bộ Giáo dục xây dựng kế hoạch huy động người đi học, xây dựng định mức, chỉ tiêu và phân bổ kinh phí cho các địa phương; Bộ Lao động thương binh xã hội phối hợp với các ban, ngành xây dựng Bộ luật Lao động, trong Điều 120 ghi rõ, cấm nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc, nhằm tạo điều kiện cho các em trong độ tuổi có quyền đi học; xây dựng chế độ chính sách cho đội ngũ giáo viên, trong đó, ưu tiên giáo viên dạy ở miền núi, vùng đồng bào DTTS. Hàng năm, Hội Người mù được tạo điều kiện xóa nạn mù chữ cho những người chưa biết chữ bằng chữ nổi; lực lượng biên phòng phối hợp với ngành giáo dục tổ chức các lớp XMC và PCGDCI ở các xã vùng cao, biên giới, hải đảo cũng như vận động người lớn, trẻ em đi học. Hội Phụ nữ chỉ đạo phong trào vận động các cháu đúng độ tuổi đi học, không bỏ học; lồng ghép chương trình xóa đói giảm nghèo, cho vay vốn, đẩy mạnh sản xuất với công tác XMC và PCGDCI; bồi dưỡng cán bộ các cấp Hội làm công tác này. Hội Nông dân xác định đây là nhiệm vụ hoạt động của các cấp Hội; gắn công tác này với chương trình dân số, kế hoạch hóa gia đình, chương trình chuyển giao kỹ thuật cho nông dân; thường xuyên bồi dưỡng công tác này cho cán bộ các tỉnh hội. Đoàn viên thanh niên thành lập Ban chỉ đạo XMC và PCGDCI của Đoàn, triển khai chương trình ánh sáng văn hóa thu hút đông đảo học sinh, sinh viên tham gia; phát động phong trào thanh niên các tỉnh vùng thuận lợi giúp đỡ các tỉnh có khó khăn,

⁸ Là ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký *Sắc lệnh số 17/SL* thành lập Nha bình dân học vụ để chuyên lo việc học chữ cho nhân dân, đồng thời cũng trong ngày này, Người phát động chiến dịch diệt dốt đầu tiên trên toàn quốc (từ ngày 8/9/1945 đến ngày 8/9/1946).

tổ chức hoạt động văn nghệ để lập quỹ XMC; thành lập Đội thanh niên tình nguyện XMC và PCGDCI ở vùng khó khăn.

Đặc biệt, để hoàn thành mục tiêu XMC & PCGDCI vào năm 2000, Chính phủ chủ trương miễn học phí; cho mượn sách giáo khoa đối với học sinh ở miền núi, vùng DTTS; hỗ trợ giáo viên công tác ở miền núi. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách như: Quyết định số 44-HĐBT (24/4/1989) về việc thu một phần học phí trong ngành giáo dục phổ thông từ năm học 1989 - 1990; Chỉ thị số 65-HĐBT ngày 12/6/1989 về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội đối với các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc; Quyết định số 72-HĐBT (13/3/1990) về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi; Quyết định số 217-HĐBT (13/6/1990) về việc sửa đổi, bổ sung quy định về thu học phí trong ngành giáo dục phổ thông từ năm học 1990 - 1991⁹. Chính phủ còn cấp kinh phí để công tác XMC và PCGDCI đạt hiệu quả (Bảng 2).

Bảng 2: Chi phí đầu tư cho công tác XMC

Năm	Kinh phí đầu tư cho XMC (tỷ đồng)	Chi bình quân cho 1 học viên (đồng)	Chi cho 1 học viên được công nhận biết chữ (hết lớp 3) (đồng)
1990	4.252	18.500	67.300
1991	10	38.000	150.000
1992	10	44.000	84.000
1993	10	40.000	84.000
1994	10	45.000	88.000
1995	10	38.000	65.000
1996	10	38.000	61.000
1997	13	-	-

Nguồn: Hồ sơ số 902, tờ số 7

⁹ Cụ thể, Quyết định số 44-HĐBT ghi rõ “nhằm thực hiện phổ cập cấp I, không thu học phí đối với học sinh phổ thông các lớp 1, 2, 3; thực hiện chế độ miễn, giảm đối với học sinh thuộc diện chính sách xã hội, dân tộc ít người, con em các gia đình gặp khó khăn đột xuất” (Công báo số 9 ngày 15/5/1989, tr.187). Quyết định số 217-HĐBT nêu “từ năm học 1990 - 1991, miễn thu học phí đối với toàn bộ học sinh phổ thông cấp I (gồm các lớp 1, 2, 3, 4, 5); miễn giảm thu học phí học sinh phổ thông cấp II, cấp III đối với học sinh thuộc diện chính sách xã hội, học sinh các dân tộc ít người ở vùng núi có phụ cấp khu vực, học sinh có gia đình gặp khó khăn đột xuất (Hội đồng Bộ trưởng, 1990). Chỉ thị số 65-HĐBT nêu rõ: “Học sinh vùng cao không phải nộp học phí và sử dụng sách giáo khoa không phải trả tiền” (Công báo số 13 ngày 15/7/1989, tr.283). Quyết định số 72-HĐBT: “Nhà nước dành ưu tiên về vốn đầu tư... bảo đảm yêu cầu phát triển giáo dục cho con em đồng bào dân tộc... Bộ Giáo dục phối hợp với các tỉnh miền núi có biện pháp cụ thể để trong khoảng thời gian từ 1991 - 1995 căn bản giải quyết xong nạn mù chữ cho đối tượng dưới 35 tuổi... Thực hiện chính sách miễn học phí, cho mượn sách giáo khoa đối với học sinh người dân tộc và đối với con em các gia đình miền xuôi lên lập nghiệp tại miền núi mà đời sống có nhiều khó khăn” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1989).

Đến năm 1990, hưởng ứng năm Quốc tế chống nạn mù chữ và chương trình chống nạn mù chữ do tổ chức Giáo dục, Khoa học, Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) phát động, Chính phủ ban hành Chỉ thị 01-HĐBT ngày 2/1/1990 về công tác XMC. Chỉ thị nêu rõ: “Phân đấu hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ XMC trong cả nước trước năm 2000. Từ nay đến năm 1995 cần tập trung XMC cho khoảng 1 triệu người từ độ tuổi 35 trở xuống, trước hết cho cán bộ, đảng viên và những người trong độ tuổi thanh niên. Việc XMC phải tiến hành đồng thời với việc PCGDCI cho trẻ em và tổ chức các hoạt động giáo dục bổ túc sau XMC nhằm ngăn ngừa khả năng mù chữ trở lại”. Chỉ thị cũng yêu cầu: “Ở những nơi có nhiều người mù chữ cần thành lập Ban Chỉ đạo xóa nạn mù chữ” (Công báo số 1, ngày 15/1/1990, tr.12).

Tiếp đến, ngày 27/8/1990, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chỉ thị số 27/CT về phổ cập giáo dục cấp I và chống nạn mù chữ trong thời gian từ năm 1990 đến năm 1995. Chỉ thị khẳng định: “Nhằm thực hiện một bước nâng cao dân trí, góp phần đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo hướng đổi mới, từ nay đến năm 1995: phổ cập giáo dục cấp I cho trẻ em trước tuổi 15, thanh toán nạn mù chữ cho đối tượng 15 - 35 tuổi. Riêng đối với địa bàn giáo dục chậm phát triển, có nhiều khó khăn, đến năm 1995 phấn đấu nâng tỷ lệ trẻ ở độ tuổi 6 đến 11 đi học đạt từ 70%, giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học hàng năm xuống dưới 10%, thanh toán nạn mù chữ cho cán bộ, đảng viên và một bộ phận thanh niên” (Hồ sơ số 183, tờ số 1).

Ngoài ra, để quá trình XMC và PCGDCI được thực hiện một cách bài bản, vững chắc, làm cơ sở thống nhất thực hiện trong cả nước, Bộ Giáo dục ban hành Thông tư số 42/TT ngày 22/12/1988 và Thông tư số 05 ngày 5/5/1989 về tiêu chuẩn công nhận hoàn thành phổ cập cấp I cho cá nhân và tập thể¹⁰.

¹⁰ Về cá nhân: những thiếu niên độ tuổi 14 muốn được công nhận đạt PCGDCI phải học hết và đạt yêu cầu chương trình cấp I hiện hành (Chương trình 165 tuần chung cho mọi trẻ em. Chương trình 120 tuần cho trẻ em DTTS. Chương trình 100 tuần cho trẻ em có khó khăn, khuyết tật). Hàng năm, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã (phường) và phòng giáo dục quận (huyện) tổ chức các kỳ thi hết cấp I để xét công nhận đạt yêu cầu chương trình cấp I theo quy chế của Bộ và hướng dẫn của Sở. Về tập thể, một xã (phường) phải đạt 3 yêu cầu: (1) Trong tổng số trẻ em của xã trong nhóm tuổi từ 6 - 11 tuổi phải có từ 90% trở lên đang học cấp I hoặc đã xong một trong ba chương trình cấp I nêu trên; (2) Trong số trẻ em cùng một độ tuổi, cùng vào học lớp 1 cho đến lớp 5 có không quá 10% học sinh bỏ học; (3) Số trẻ em trong nhóm tuổi 12 - 14 ở trong xã chưa học hết cấp I (trừ số đang học trong trường) không vượt quá 10% số trẻ em ở nhóm tuổi này. Hàng năm, các xã trong đó có các trường phổ thông cơ sở làm nòng cốt, tổ chức tự kiểm tra, đối chiếu với tiêu chuẩn, nếu đủ điều kiện thì lập hồ sơ đề nghị quận, huyện tiến hành kiểm tra, công nhận theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục. Các quận, huyện, tỉnh, thành phố và các đơn vị hành chính tương đương đạt tiêu chuẩn PCGDCI phải có từ 90% trở lên số đơn vị trực thuộc đã đạt tiêu chuẩn PCGDCI. Việc kiểm tra công nhận PCGDCI cho các quận, huyện và các đơn vị tương đương do Sở Giáo dục đảm nhiệm. Việc công nhận PCGDCI cho các tỉnh, thành phố, đặc khu do Bộ Giáo dục đảm nhiệm.

4. Quá trình thực hiện xóa mù chữ và phổ cập giáo dục cấp I ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (1986 - 2000)

Miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và Tây Nguyên là những vùng DTTS sinh sống đông nhất trong cả nước¹¹, trong đó miền núi phía Bắc có hơn 30 DTTS, bao gồm: dân tộc Tày, Thái, Nùng, Hmông, Mường, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Giáy, Hoa, Khơ-mú, Hà Nhì, Xinh-mun, Lào, La Chí, La Hủ, Phù Lá, Lự, Pà Thẻn, Kháng, Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Bô Y, La Ha, Cống, Ngái, Si La, Pu Páo, v.v.; các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn, Sơn La, Lai Châu là những địa phương có DTTS nhiều nhất.

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục, các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, vùng có đông đồng bào DTTS sinh sống đã thành lập Ban Chỉ đạo xóa nạn mù chữ (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo) từ tỉnh, huyện đến các xã, phường đồng thời ban hành chỉ thị, nghị quyết, xây dựng kế hoạch của địa phương về XMC. Ban Chỉ đạo các cấp còn tuyên truyền Luật Phổ cập giáo dục tiểu học, chủ trương chống mù chữ của Ủy ban Quốc gia.

Ban chỉ đạo cấp tỉnh do Phó Chủ tịch phụ trách văn xã phụ trách làm Trưởng ban; Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo làm Phó Trưởng ban thường trực. Ngoài ra, do đặc thù là nơi có đông đồng bào DTTS sinh sống nên Ban Chỉ đạo còn phát huy vai trò của các trưởng bản, già làng, người có uy tín trong vùng tham gia vận động đồng bào, cha mẹ huy động học sinh, con em đến lớp XMC cũng như việc thống kê tình trạng học vấn của từng người dân trong làng bản.

Sau khi thành lập, Ban Chỉ đạo từng tỉnh chỉ đạo xuống từng xã, phường tiến hành tổng điều tra tình trạng mù chữ và chưa học cấp I đến từng hộ gia đình, sau đó từng xã, phường, thôn, bản lập bảng biểu thống kê vào “Sổ Phổ cập giáo dục cấp I” và “Sổ chống nạn mù chữ”, theo dõi quản lý hồ sơ, ghi bổ sung những thay đổi (nếu có), đảm bảo số liệu thống kê đầy đủ, chính xác, cập nhật rồi báo cáo lên cấp trên. Trên cơ sở này, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh giao chỉ tiêu cho các cấp đưa công tác XMC và PCGDCI vào chương trình, kế hoạch của các ngành, các đoàn thể gắn công tác này với chương trình hoạt động. Hội Phụ nữ gắn công tác XMC và PCGDCI với việc phổ biến kiến thức nuôi dạy con. Hội Nông dân gắn công tác XMC và PCGDCI với việc áp dụng tiến bộ sinh học và nông, lâm nghiệp, tăng thu nhập cho nông dân. Đoàn viên thanh niên gắn công tác XMC và PCGDCI vào cuộc vận động “Vì ngày mai lập nghiệp”... Các cấp chính quyền gắn công tác XMC và PCGDCI với chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thông qua những chương trình quốc gia, phong trào cụ thể là Chương trình xóa đói giảm nghèo; Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; Chương trình 327; Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Chương trình bỏ cây thuốc phiện, xóa bỏ nạn nghiện hút thuốc phiện; Chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng... Các cấp ủy Đảng của tỉnh lãnh đạo chính quyền, các ban ngành,

¹¹ Theo thống kê thì miền núi phía Bắc có 7.037.246 người; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung có 2.075.922 người và Tây Nguyên có 2.199.784 người DTTS.

đoàn thể đặt công tác XMC và PCGDCI thành nhiệm vụ chính trị hàng đầu, đảng viên tiên phong gương mẫu thì gia đình phải không có người mù chữ.

Theo quy định của Bộ Giáo dục, chương trình XMC gồm 300 tiết học, chia ra 150 buổi học với ba mức, từng mức có 3 tập sách tương ứng. Chương trình PCGDCI cũng có 3 mức là chương trình 165 tuần, chương trình 120 tuần và chương trình 100 tuần. Mỗi loại chương trình có bộ sách tương ứng.

Chương trình 165 tuần là chương trình học bình thường trong 5 năm, dành cho học sinh ở các địa bàn thuận lợi là thành phố, thị trấn, nông thôn, đồng bằng với hình thức học tập trung theo quy định.

Chương trình 120 tuần dành cho học sinh ở vùng núi cao, vùng có đồng bào DTTS sinh sống. Đây là vùng khó khăn nên việc tổ chức lớp học cần đa dạng, linh hoạt, thích hợp như: lớp cắm bản, lớp ghép, lớp nửa nội trú ở xã, lớp dân nuôi, lớp phổ cập tiểu học...

Chương trình 100 tuần dành riêng cho học sinh thiệt thòi, khó khăn, lớn tuổi. Việc mở lớp học cho học sinh ở lớp này cũng cần phải đa dạng, linh hoạt để mỗi người đều có thể vào học được như lớp học buổi tối, lớp học gần nhà, lớp học tình thương, lớp học ngắn hạn, lớp học theo nhóm gia đình, lớp cho trẻ khuyết tật...

Như vậy, ở miền núi, vùng đồng bào DTTS, việc XMC và PCGDCI sẽ theo chương trình 120 tuần. Dù áp dụng chương trình cấp I nào thì học sinh học hết lớp 3 đều phải đạt XMC kể cả khi không có điều kiện học tiếp các năm tiếp theo.

Tại tỉnh Tuyên Quang, công tác XMC và PCGDCI được thực hiện một cách khá bài bản, hiệu quả. Tỉnh có dân số gần 70 vạn người, trong đó 445.504 người là đồng bào DTTS (chiếm 56,7%) trong đó dân tộc Tày chiếm 25,5%, Dao chiếm 12,7%, Sán Chay chiếm 8,7%, Hmông chiếm 2,3%, Nùng chiếm 1,9%, Sán Dìu chiếm 1,7%, còn lại là các dân tộc khác (Hồ sơ số 812, tờ số 85). Để XMC và PCGDCI, tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo từ tỉnh xuống cơ sở, đề ra mục tiêu xóa xong nạn mù chữ cho đại bộ phận người dân trong độ tuổi và căn bản hoàn thành PCGDCI vào năm 1995. Sau khi thành lập, Ban chỉ đạo tỉnh phát động chiến dịch chống mù chữ; phát động phong trào cha mẹ học sinh tham gia xây dựng trường sở cho con em, vận động con em đi học đúng độ tuổi, người lớn chưa biết chữ ra lớp XMC. Ngoài ra, tỉnh còn đầu tư xây dựng mạng lưới trường tiểu học, đưa lớp xuống tận thôn bản, thực hiện xóa “bản trắng”; đào tạo và xây dựng đội ngũ giáo viên cấp I phục vụ yêu cầu XMC và PCGDCI.

Trong quá trình thực hiện, giáo viên thiếu nghiêm trọng, Ban Chỉ đạo báo cáo Chủ tịch tỉnh cùng phương án để giải quyết nhanh gọn, kịp thời. Đó là bổ sung hơn 1.000 giáo viên ngoài biên chế; đào tạo cấp tốc 1.081 giáo viên; chuyển 767 giáo viên cấp II đang dôi dư xuống dạy tiểu học; sử dụng 33 giáo viên đã nghỉ hưu, thôi việc nhưng còn sức khỏe, tự nguyện tham gia XMC và PCGDCI; đưa 820 giáo viên tốt nghiệp các trường sư phạm xuống giảng dạy, hỗ trợ giáo viên ở thôn, bản. Ngoài ra, Ban Chỉ đạo còn xin ý kiến và được Chủ tịch tỉnh đồng ý về một số chính sách, đó là: phụ cấp thêm lương cho giáo viên vùng cao, vùng sâu; cấp kinh phí chi trả 700 triệu để học sinh vùng cao mượn sách giáo khoa không mất tiền; chi trả 100 triệu đồng mua cấp sách vở cho học sinh nghèo đi học.

Với sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời cộng với những biện pháp đồng bộ của các ngành, các cấp, Ban Chỉ đạo từ tỉnh xuống cơ sở, công tác XMC và PCGDCI của tỉnh Tuyên Quang đã đạt được thành tựu đáng tự hào. Số người mù chữ trong độ tuổi 15 - 35 của tỉnh giảm từ 22.627 người năm 1991 xuống còn 9.973 người vào năm 1994. Đến năm 1995, toàn tỉnh có 95% dân số trong độ tuổi 15 - 35 biết chữ; có 126/145 xã phường, thị trấn hoàn thành XMC và PCGDCI, đạt tỷ lệ 86% (Hồ sơ 812, tờ số 85). Ngày 5/9/1995, tỉnh tổ chức đón nhận cờ và Quyết định của Bộ Giáo dục - Đào tạo công nhận *Tuyên Quang là tỉnh là thứ 9 trong cả nước và là tỉnh miền núi, có đồng đồng bào DTTS đầu tiên đạt chuẩn XMC và PCGDCI.*

Tỉnh Hà Giang có 22 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó dân tộc Hmông chiếm tỷ lệ cao nhất (164.825 người) tiếp đến là dân tộc Tày (139.107 người). Các DTTS khác sinh sống rải rác ở các xã vùng cao, xa xôi, hẻo lánh trong tỉnh. Triển khai nhiệm vụ XMC và PCGDCI, ngoài các biện pháp đã thực hiện như chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia và Ban Chỉ đạo nêu trên, tỉnh Hà Giang kết hợp một số biện pháp khác đó là Ban Chỉ đạo của tỉnh, huyện còn tổ chức Hội nghị giáo dục ở 7 huyện vùng cao là Mèo Vạc, Đồng Văn, Quản Bạ, Xín Mần, Hoàng Su Phì, Bắc Quang và Vị Xuyên để kịp thời khắc phục khó khăn ở đây. Ban Chỉ đạo của tỉnh có chương trình phối hợp công tác với bộ đội biên phòng trong việc tham gia dạy XMC cho nhân dân 33 xã biên giới. Trong ba năm 1992 - 1995, tỉnh đã XMC cho 18.141 người, trong đó lực lượng bộ đội biên phòng mở được 24 lớp, xóa mù được cho 492 học viên (Hồ sơ số 812, tờ số 174).

Nghệ An là tỉnh có 39 dân tộc anh em cùng sinh sống trên địa bàn, trong đó DTTS có 491.295 người (chiếm 14,76% dân số toàn tỉnh), dân số đông, chủ yếu là người Thái, Tày, Khơ-mú, Hmông, Ô-đù. Triển khai chủ trương XMC và PCGDCI của trung ương, được sự hỗ trợ của chính quyền, trong 5 năm (1990 - 1995), Ban Chỉ đạo của tỉnh huy động được hơn 50 nghìn người ra lớp học chữ, trên 45 nghìn người dự thi, công nhận được 32.509 người được XMC. Trong số 45 nghìn người dự thi, đồng bào DTTS có 19.658 người (chiếm 43%), trong khi đó, người DTTS chỉ chiếm 14,76% dân số toàn tỉnh. Như vậy, các lớp XMC của tỉnh chủ yếu là đồng bào DTTS. Toàn tỉnh có 315/460 xã, phường (chiếm 64%) đạt chuẩn quốc gia về XMC & PCGDCI, trong đó các huyện miền núi có thành tích nổi bật là Con Cuông, Quỳnh Châu và Kỳ Sơn (Hồ sơ số 812, tờ số 189).

Tỉnh Yên Bái, năm 1995 có dân số là 650.000 người, đạt tỷ lệ 100% dân số toàn tỉnh, trong đó đồng bào DTTS chiếm 47%, dân tộc Kinh chiếm 53%. Từ năm 1990 đến năm 1995, có gần 95% người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được XMC; có 77/175 xã, phường và thị xã Yên Bái được tỉnh công nhận XMC và PCGDCI (Hồ sơ số 767, tờ số 5).

Bước sang năm 1996, đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, ngân sách Nhà nước chi cho Giáo dục - Đào tạo cao hơn¹², đời sống vật chất và tinh thần, trình độ dân trí

¹² Năm 1990, Nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo là 735 tỷ đồng, năm 1996 chi 7.100 tỷ đồng (gấp gần 10 lần) (Hồ sơ số 248).

của nhân dân, đặc biệt là đồng bào DTTS cũng được nâng cao hơn. Đến năm 1997, đã có 91% dân số cả nước biết chữ, trong đó nhiều tỉnh miền núi có đồng DTTS sinh sống đã hoàn thành XMC và PCGDCI trước năm 2000 là Tuyên Quang, Thái Nguyên và Hòa Bình (1995); Tiền Giang, Bến Tre (1996); Thanh Hóa, Lâm Đồng, Yên Bái, Khánh Hòa (1997) (Hồ sơ số 902, tờ số 5).

Trên đà thắng lợi của những năm trước, đồng thời tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII, đặc biệt là Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000 của Đảng, các tỉnh miền núi, vùng đồng bào DTTS còn lại đẩy nhanh công tác XMC và PCGDCI để hoàn thành mục tiêu vào năm 2000. Kết quả là, sang năm 1998, các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Kạn, Nghệ An, Phú Yên, Trà Vinh hoàn thành mục tiêu XMC và PCGDCI; năm 1999 là tỉnh Sơn La và Đắk Lắk; năm 2000 là các tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Ninh Thuận, Kon Tum, An Giang, Sóc Trăng (Hồ sơ số 902, tờ số 5).

Như vậy, sau 15 năm (1986 - 2000) thực hiện bền bỉ, với sự chỉ đạo quyết liệt, chính sách ưu tiên của Nhà nước, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự ủng hộ của toàn xã hội, đến năm 2000 về cơ bản, mục tiêu XMC và PCGDCI đã hoàn thành trong cả nước. Ngày 25/7/2002, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 101/2002/QĐ-TTG về việc giải thể Ủy ban Quốc gia, chấm dứt hiệu lực thi hành Quyết định số 173-HĐBT ngày 27 tháng 9 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập Ủy ban Quốc gia chống nạn mù chữ.

5. Kết luận

Ngay từ khi bắt đầu thực hiện công cuộc Đổi mới, mặc dù nền kinh tế nước nhà gặp rất nhiều khó khăn, những năm đầu còn chưa thoát khỏi khủng hoảng nhưng Đảng và Chính phủ đặc biệt quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp giáo dục, học hành của nhân dân, trong đó có đồng bào DTTS. Rút kinh nghiệm của giai đoạn trước, công tác XMC cho đồng bào DTTS trong 15 năm đầu Đổi mới gắn với việc PCGDCI và được thực hiện một cách bài bản. Một Ủy ban Quốc gia chống nạn mù chữ được thành lập để chỉ đạo thống nhất, phối hợp đồng bộ với các ban, ngành từ trung ương xuống cơ sở. Ở cấp tỉnh, huyện, xã thành lập Ban Chỉ đạo xoá nạn mù chữ các cấp. Công tác XMC được chính quyền địa phương xác định là nhiệm vụ quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, chứ không đơn thuần là vấn đề của ngành giáo dục. Ở vùng đồng bào DTTS, miền núi, Ban Chỉ đạo địa phương còn phát huy vai trò của các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong làng vào công tác XMC. Nhờ đó, việc XMC trở thành phong trào, nhận được sự đồng thuận, hưởng ứng của toàn xã hội.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, miền núi, vùng đồng bào DTTS là những địa bàn còn rất nhiều khó khăn, hạn chế về kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng, trình độ, đời sống của nhân dân. Trong khi đó, việc XMC là công việc khó khăn, lâu dài, phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện kinh tế, đầu tư của Nhà nước, phong tục, tập quán, lối sống của người DTTS, do vậy,

việc XMC phải có lộ trình, mục tiêu cụ thể, không được vội vàng, nôn nóng dẫn đến làm nhanh, kém chất lượng, hiệu quả không cao. Phải đặt nhiệm vụ XMC trong sự phát triển chung của nền giáo dục quốc dân, với các chương trình quốc gia, các phong trào thi đua của địa phương và phải được tiến hành song song, gắn liền với PCGDCI. Để chống mù chữ, chống tái mù chữ, một mặt cần huy động được sự vào cuộc, chung tay của các cấp, các ngành, sự chăm lo của toàn xã hội; mặt khác, tiếp tục tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho người DTTS hiểu được tầm quan trọng của việc biết chữ đối với sự phát triển của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Một kinh nghiệm quan trọng nữa là nhiệm vụ XMC phải được thể chế hóa thành nghị quyết, chỉ thị, quyết định của các cấp chính quyền từ trung ương đến cơ sở, coi đó là kế hoạch Nhà nước phải thực hiện và được đánh giá, kiểm tra.

Hiện nay, nước ta vẫn còn hơn 1 triệu trẻ em vùng DTTS chưa biết chữ, vì vậy công cuộc XMC và PCGDCI vẫn còn tiếp tục. Thiết nghĩ, những bài học nêu trên từ công tác XMC trong 15 năm đầu đất nước Đổi mới vẫn có nhiều giá trị tham khảo.

Tài liệu tham khảo

1. Công báo số 1 ngày 15/1/1990.
2. Công báo số 9 ngày 15/5/1989.
3. Công báo số 13 ngày 15/7/1989.
4. Công báo số 18 ngày 30/9/1991.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.37, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.40 (1979), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.52 (1992-6/1993), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Hồ sơ số 50: *Tập tài liệu về phương hướng chiến lược dài hạn ngành giáo dục 5 năm 1985 - 1990 và 1985 - 2000 của Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp*, Phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III (những hồ sơ sau cũng sưu tầm ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III nên tác giả không ghi).
9. Hồ sơ số 117: *Tài liệu về tổng kết 3 năm thực hiện triển khai đổi mới giáo dục phổ thông (1987 - 1990) của Bộ Giáo dục và Đào tạo*, Phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
10. Hồ sơ số 183: *Tập lưu Thông tư, Chỉ thị năm 1990 của Bộ Giáo dục*, Phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
11. Hồ sơ số 205: *Đề án xóa mù chữ cho người lao động trong kế hoạch 5 năm 1986-1990 của Bộ Giáo dục*, tờ số 10, Phòng Bộ Giáo dục.
12. Hồ sơ số 231: *Báo cáo sơ kết thực hiện đề án công tác giáo dục sáu tỉnh biên giới phía Bắc năm 1987 - 1990 của Bộ Giáo dục*, Phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
13. Hồ sơ số 248: *Tài liệu về tổng kết đánh giá 10 năm đổi mới giáo dục và đào tạo (1986 - 1996)*, Phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

14. Hồ sơ số 767: *Báo cáo kết quả thanh tra phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ tại tỉnh Quảng Bình và Yên Bái năm 1995*, Phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
15. Hồ sơ số 812: *Tài liệu thảo luận về “Tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, chính quyền tiến tới hoàn thành chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học các tỉnh vùng núi phía Bắc”*, Phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
16. Hồ sơ số 902: *Báo cáo tóm tắt một số nét chính về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đến năm 1997 của Vụ Giáo dục thường xuyên*, Phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
17. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1986), “Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V trình tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng”,
<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-v-trinh-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-vi-cua-1491>, truy cập ngày 24/4/2021.
18. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1996), “Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai số 02-NQ/HNTW BCHTW Đảng (khóa VIII) về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-viii/nghi-quyet-hoi-nghi-lan-thu-hai-so-02-nqhntw-bchtw-dang-khoa-viii-ve-dinh-huong-chien-luoc-phat-trien-khoa-hoc-va-cong-nghe-668>, truy cập ngày 14/5/2021.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (1989), “Nghị quyết về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi”, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-quyet-22-NQ-TW-chu-truong-chinh-sach-lon-phat-trien-kinh-te-mien-nui-135528.aspx>, truy cập ngày 20/4/2021.
20. Thu Hiền (2020), “Xóa mù chữ cho trẻ em dân tộc thiểu số và miền núi”, <http://consosukien.vn/xoa-mu-chu-cho-tre-em-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui.htm>, truy cập ngày 13/5/2021.
21. Hội đồng Bộ trưởng (1990), “Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quy định về thu học phí trong ngành giáo dục phổ thông”, <https://m.thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/quyet-dinh-217-hdbt-sua-doi-quy-dinh-ve-thu-hoc-phi-trong-nganh-giao-duc-pho-thong-37966.aspx>, truy cập ngày 13/5/2021.